TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 3 - 2020.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đổi.

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1264/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh H, sinh năm 1974. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 245C/1, khu vực B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 01 năm 2020 và những lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Phan Thanh H chung sống với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn ông Phan Thanh H.

Về con chung: Ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2020, bà Nguyễn Thị S có đơn xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án do bận đi làm, không có điều kiện tham gia phiên tòa.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải, bị đơn ông Phan Thanh H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị S về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và con chung. Ông và bà S chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Nay, bà S xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2020, ông H có đơn xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án do bận việc gia đình, không có điều kiện tham gia phiên tòa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất được toàn bộ nội dung, các chứng cứ đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng do bà S và ông H chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh H, ông H hiện có hộ khẩu thường trú tại khu vực B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn ông Phan Thanh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh H chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà S và ông H không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, bà S và ông H phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà S và ông H đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bà S và ông H đều xác định không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn. Do bà S và ông H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh H là vợ chồng.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Bà S và ông H thống nhất trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh H thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh H là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004493 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh